

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2022
“V/v Ly hôn và nuôi con ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Huỳnh Hương

Bà :Nguyễn Kim Lân

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/06/2021 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm 4, thị T, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Thái Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/06/2021 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2004 chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (tại giấy trích lục kết hôn số 01/2009 ngày 19.06.2009). Thời kỳ chung sống giữa chị N và

anh T có 02 con chung tên: Thái Trọng N, sinh ngày 14/10/2004 và Thái Như Ý – sinh ngày 29.01.2012 con hiện sống chung với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung chị N yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án triệu tập anh T 2 lần để hòa giải và 2 lần để xét xử nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh T. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị N và anh T không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đã xác định không thể hàn gắn được, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và chị N thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh T. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh T dẫn vắng mặt, như vậy xác định anh T không quan tâm đến

mối quan hệ vợ chồng với chị N. Do đó chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên chấp nhận cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Thái Văn T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung*: Từ ngày chị N và anh T ly thân đến nay cháu N và cháu Ý đang được chị N nuôi dưỡng chu đáo, theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 cháu, chị N cũng xác định có đủ điều kiện nuôi các con. Tại đơn trình bày ý kiến nguyện vọng của con, ngày 7.01.2022, thì các con có nguyện vọng sống với chị N, nên chấp nhận giao cháu Thái Trọng N sinh ngày 14.10.2004 và Thái Như Ý sinh ngày 29.01.2012 cho chị N nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu N và Ý được sống với chị N là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng*: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: chị N cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận. Hội đồng xét thấy quá trình thụ lý vụ án không ghi nhận ý kiến của anh T nên chưa xác định được tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó cần tách phần tài sản ra nếu sau này anh T có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí*: chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Thái Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị N nuôi dạy cháu Thái Trọng N sinh ngày 14.10.2004 và Thái Như Ý sinh ngày 29.01.2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu N và Ý được sống với chị N (cháu N và Ý hiện đang sống với chị N).

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005110 ngày 30/06/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời
- Dương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung